

Bài viết phân tích những diễn biến tranh chấp chủ quyền, vấn đề khai thác dầu khí tại Biển Đông – một nhân tố quan trọng khi mà nhu cầu và năng lượng toàn cầu ngày càng tăng, cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc. Biển Đông đang được gắn với các vấn đề chiến lược rộng lớn hơn liên quan đến chiến lược hải quân của Trung Quốc khi nước này từng công bố phát triển sức mạnh quân sự để bảo vệ tuyến đường biển kéo dài đến Trung Đông. Nó cũng trở thành vấn đề đối với sự hiện diện của Mỹ ở Tây Thái Bình Dương cũng như mối quan hệ đồng minh của nước này trong khu vực. Tác giả cho rằng điều kiện thi thoảng trong giai đoạn này là một thỏa thuận đa phương về các biện pháp để ngăn chặn việc các vấn đề leo thang thành xung đột trong khi chưa có cách giải quyết đối với tranh chấp trong các yêu sách. Thỏa thuận này cần phải có hai nhân vật chính là Mỹ và Trung Quốc, cũng như các quốc gia yêu sách thuộc khối ASEAN.



Giải thích

Vấn đề về Biển Đông ban đầu là một cuộc tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với các đảo và lãnh thổ trên biển giữa Trung Quốc và năm nước ASEAN bao gồm Việt Nam, Philippin, Malaysia, Brunei và Indonesia. Cả Trung Quốc và Việt Nam đều yêu sách toàn bộ khu vực và các đảo trong đó, còn Philippin, Malaysia, và Brunei yêu

sách đối với các vùng tiếp giáp trên cả sự các vùng EEZ và thềm lục địa và phát hiện đầu tiên. Nếu như tranh chấp chủ quyền lợi ích vùng biển thì có lẽ nó đã có thể được giải quyết như các nỗ lực của Trung Quốc gây ảnh hưởng tới ASEAN và từng cường quốc liên kết với khu vực. Vấn đề tranh chấp sau đó còn liên quan đến việc tiếp cận với trữ lượng dầu khí trên biển. Đây là vấn đề hấp dẫn do vào thời điểm đó lượng cầu và năng lượng đang ngày càng cao, còn các quốc gia yếu sách thì đang lên kế hoạch để khai thác các trữ lượng hydrocarbon trong khu vực. Tranh chấp đã phát sinh giữa các yếu sách, đặc biệt là giữa Trung Quốc và Việt Nam, thậm chí có lúc tranh chấp này còn trở nên nguy cơ leo thang. Tuy nhiên, các yếu sách đối với tài nguyên năng lượng không đối đầu xung đột, và nó có thể được quản lý trên cả sự phát triển khai thác chung hoặc đa phương. Các hình thức hợp tác này đã có một số tiền lệ và mô hình, tuy không phức tạp như những gì mà tình hình ở Biển Đông đòi hỏi. Một yếu tố khác khiến tình hình trở nên căng thẳng hơn từ năm 2010 và khiến cho việc giải quyết hay quản lý theo các cách tiếp cận được đề cập đến trước đây trở nên khó khăn hơn. Vấn đề tranh chấp không còn đơn thuần là yếu sách lãnh thổ và các giải pháp cũng đã bao trùm lên mối quan ngại về việc tiếp cận tài nguyên năng lượng. Biển Đông đang dần trở thành vấn đề của sự đối đầu giữa Trung Quốc và Mỹ làm Mỹ nhanh chóng có thái độ và điều chỉnh chính sách tại khu vực. Biển Đông đang được gọi với các vấn đề chiến lược rộng lớn hơn liên quan đến chiến lược hải quân của Trung Quốc khi nước này từng cường quốc phát triển sức mạnh quân sự để bảo vệ tuyến đường biển kéo dài đến Trung Đông. Nó cũng trở thành vấn đề đối với sự hiện diện của Mỹ ở Tây Thái Bình Dương cũng như mối quan hệ đồng minh của nước này trong khu vực. Điều cần thiết trong giai đoạn này là một thỏa thuận đa phương với các biện pháp để ngăn chặn việc các vấn đề như leo thang thành xung đột trong khi chưa có cách giải quyết đối với tranh chấp trong các yếu sách. Thỏa thuận này cần phải có hai nhân vật chính là Mỹ và Trung Quốc, cũng như các quốc gia yếu sách thuộc khối ASEAN.

Quá trình hình thành tranh chấp Biển Đông

Vấn đề Biển Đông ban đầu là một tranh chấp giữa các yếu sách khác nhau về chủ quyền vùng biển. Việt Nam, Malaysia, và Philippin đã đưa ra yếu sách đối với khu vực và đã chiếm đóng một số đảo, trong khi Trung Quốc không thể làm được do bị hạn chế bởi hải quân Mỹ và Liên Xô trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Hai nguyên tắc chính điều chỉnh các yếu sách này và đồng thời cũng là hai nguyên tắc cốt lõi cho yếu sách của Trung Quốc đối với toàn bộ khu vực. Nguyên tắc đầu tiên là “chiếm cứ hữu hiệu” các đảo, một tiền lệ được đặt ra bởi Tòa Trọng tài Thường trực trong vụ [Palmas](#) vào tháng 4/1928. [\[1\]](#) Chiếm cứ hữu hiệu đòi hỏi phải có khả năng và ý định thực thi quyền tài phán một cách liên tục và không bị gián đoạn và được phân biệt rõ ràng với hành vi xâm chiếm. Học thuyết về chiếm cứ hữu hiệu đi ngược lại với lợi ích của Trung Quốc đối với quần đảo Trường Sa, do Trung Quốc không thể chứng minh được việc thực thi quyền tài phán một cách liên tục và không bị gián

đơn của mình, tuy nhiên có thể chứng minh điều đó với chín hòn đảo đã chiếm đóng trong giai đoạn 1988 – 1992. Nguyên tắc thứ hai là Công ước UNCLOS, từ đó đặt ra các quy tắc để quy định yêu sách đối với các tài nguyên dựa trên các vùng EEZ và thềm lục địa. Công ước UNCLOS không có lợi cho yêu sách của Trung Quốc do nó đã vượt quá phạm vi vùng EEZ và thềm lục địa, do đó Trung Quốc cho rằng các quy định lịch sử của mình phải được chấp nhận. Vấn đề là chỉ các yêu sách dựa trên lịch sử không có một giá trị trong luật pháp quốc tế, và đối với Trung Quốc thì luật pháp quốc tế đã hỗ trợ di sản từ ngàn đời của mình và khiến cho những yêu sách này oan giã. Quan điểm của Trung Quốc là yêu sách của mình đã có từ trước khi UNCLOS ra đời và vì thế trong trường hợp này Trung Quốc “không bàn bạc buôn bán nó”. Một số quan chức Trung Quốc lập luận rằng trong bất kỳ tình huống nào thì những điểm mâu thuẫn trong Công ước UNCLOS cũng sẽ cho phép Trung Quốc không định các yêu sách lịch sử của mình.

[\[2\]](#)

Chỉ có thể không định yêu sách trong trường hợp số phần tử của luật pháp quốc tế có thể sẽ không có lợi cho mình, Trung Quốc đã tìm cách liên tục gây áp lực qua con đường ngoại giao nhằm thay đổi luật quốc tế, hoặc là tạo ra một ngoại lệ đặc biệt, như vậy các yêu sách lịch sử của Trung Quốc có thể được đặt các điểm tựa như sau.

Đu khí và năng lượng

Nếu như Biển Đông chỉ là một tranh chấp về lãnh thổ thì có thể có rất nhiều cách giải quyết vấn đề trên cơ sở điều chỉnh các yêu sách trong một thỏa thuận trên biển. Nó cũng có thể được tiếp diễn như một trạng thái bất ổn nếu như không có áp lực về giải pháp cho vấn đề tranh chấp. Tuy nhiên, đòi hỏi về năng lượng lại có nghĩa rằng Trung Quốc không chấp nhận tình trạng nguyên trạng ở Biển Đông và tạo thêm áp lực cho các quốc gia yêu sách trong ASEAN. Năng lực quốc tế đối với năng lượng ngày càng tăng và các quốc gia tiêu thụ lớn như Trung Quốc đang phải tìm kiếm các nguồn mới để thỏa mãn nhu cầu kinh tế đang ngày càng mở rộng của mình. Năng lực nhập khẩu của Trung Quốc đã đạt đến 54% năng lượng tiêu thụ trong năm 2010 và ước tính sẽ lên đến 65% vào năm 2015. Trung Quốc đã có nỗ lực nhằm đa dạng hóa các nguồn cung cấp năng lượng để giảm sự lệ thuộc vào khu vực Trung Đông, vốn cung cấp cho những năm 58% đầu nhập khẩu, bằng việc tìm cách khai thác tài nguyên năng lượng trong khu vực. Việt Nam là một quốc gia sản xuất dầu khí lớn trong khu vực, với công ty quốc doanh PetroVietnam sản xuất được 24,4 triệu tấn trong năm 2010 tại ba mỏ; mỏ Bạch Hổ, được bắt đầu khai thác từ năm 1986, mỏ Thanh Long và mỏ Gông Trừng; tổng cộng ba mỏ này chiếm 26% năng lượng đầu nhập của Việt Nam sản xuất trong năm 2010. [3] PetroVietnam cũng đã ký kết 60 hợp đồng thăm dò và sản xuất dầu khí với các công ty nước ngoài nhằm khai thác các mỏ mới. Tuy nhiên, việc sản xuất tại các mỏ hiện có đang ngày càng đi xuống, trong khi các mỏ mới không được kịp vàng có thể bù lại các khoản mất mát.

[4]

Khi mà Việt Nam đang cố tìm kiếm các mỏ khai thác mới thì rất có khả năng sẽ lại có những vụ đụng độ với Trung Quốc, do nước này vẫn vẫn phân phối các nguồn lực của Việt Nam trong việc ký kết các hiệp định khai thác với các công ty dầu khí nước ngoài. Trung Quốc phân phối các hoạt động khai thác của một loạt các công ty bao gồm PetroVietnam, Petronas Carigali của Malaysia, Petroleum của Singapore và CTCP American Technology khi phát hiện ra một mỏ xa bờ nằm về phía tây đảo Hainan vào tháng 10/2004.

[5]

Trung Quốc đã cảnh cáo các công ty dầu khí quốc tế rằng cần phải tránh xa khu vực mà họ gọi là “biển của Trung Quốc”; năm hiệp định quy định liên quan đến các công ty dầu khí BP, ConocoPhillips, Chevron-Petronas-Cargill, Idemitsu-Nippon- và Teikoku đã bị đình chỉ do áp lực của Trung Quốc.

Để toàn bộ bản dịch [tại đây](#)

GS. Leszek Buszynski, *Nghiên cứu sinh, Trung tâm Nghiên cứu và Quốc phòng, Đại học Quốc gia Úc, Canberra ACT 0200, Úc*

Leszekbuszynski@yahoo.co.uk

Bản gốc tiếng Anh: *“The Internationalization of the South China Sea: Conflict prevention and management”*

Bài tham luận tại Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ ba: [“ **Biển Đông: Hợp tác vì An ninh và Phát triển trong Khu vực** ”](#)

do Hội viên Ngoại giao và Hội Luật gia Đông tứ chức tại Hà Nội từ 4-5/11/2011.

Ghi chú

[1] Vĩ tính pháp lý cĩa các yêu sách, xem Mark J. Valencia, Jon M. Van Dyke, Noel A. Ludwig, *Sharing the Resources of the South China Sea*, trang 39-59; R. Haller-Trost, *The Spratly Islands: A Study on the Limitations of International Law*, Centre of Southeast Asian Studies, University of Kent at Canterbury, Occasional Paper Sĩ 14, thĩng 10 1990

[2] Xem cable cĩa Cĩ vĩn Bĩ trĩĩng Chính trĩ Aubrey Carlson "MFA Maintains Claims to South China Sea; Urges US Companies not "to get Entangled," 13 thĩng 3 2008, Wikileaks on line.

[3] "Vietsovpetro finds more oil at Bach Ho field offshore Vietnam," *Energypedia.news*,

29/6/2011

2<http://www.energy-pedia.com/article.aspx?articleid=1460879> 6/2011

[4] "Vietnam Market for Oil and Gas Machinery and Services," *US Commercial Service-Vietnam* 3/2011, http://export.gov/vietnam/static/BP-Oil%20and%20Gas%20Machinery%20and%20Services_Latest_eg_vn_030123.pdf

[5] Trĩn ãĩnh Thanh Lam, "Vietnam oil find fuels China's worries", *Energy Bulletin*, 26/10/2004. <http://www.energybulletin.net/node/2838>